

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 33/1999/ ND-CP ngày 11/5/1999 về việc thành lập các phường và xã thuộc thị xã Bắc Giang và huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang và Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập các phường và xã thuộc thị xã Bắc Giang và huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang như sau:

1. Thành lập phường Thọ Xương thuộc thị xã Bắc Giang trên cơ sở 439 ha diện tích tự nhiên và 12.309 nhân khẩu của xã Thọ Xương.

Địa giới hành chính phường Thọ Xương: Đông giáp xã Xương Giang; Tây giáp xã Song Mai; Nam giáp phường Trần Phú và phường Ngô Quyền; Bắc giáp huyện Lạng Giang.

2. Thành lập xã Xương Giang thuộc thị xã Bắc Giang trên cơ sở 250 ha diện tích tự nhiên và 6.218 nhân khẩu còn lại của xã Thọ Xương.

Địa giới hành chính xã Xương Giang: Đông và Bắc giáp huyện Lạng Giang; Tây giáp phường Thọ Xương; Nam giáp xã Đình Kế.

3. Thành lập phường Hoàng Văn Thụ thuộc thị xã Bắc Giang trên cơ sở 52 ha diện tích tự nhiên và 6.469 nhân khẩu của phường Lê Lợi; 115 ha diện tích tự nhiên và 2.697 nhân khẩu của xã Đình Kế.

Phường Hoàng Văn Thụ có 167 ha diện tích tự nhiên và 9.166 nhân khẩu.

Địa giới hành chính phường Hoàng Văn Thụ: Đông giáp xã Đình Kế; Tây giáp phường Lê Lợi; Nam giáp phường Lê Lợi và xã Đình Kế; Bắc giáp phường Ngô Quyền.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính:

- Phường Lê Lợi có 80 ha diện tích tự nhiên và 10.031 nhân khẩu.

- Xã Đình Kế có 432 ha diện tích tự nhiên và 10.055 nhân khẩu.

4. Thành lập xã Đồng Tiến thuộc huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở 3.700 ha diện tích tự nhiên và 3.116 nhân khẩu của xã Đồng Vương.

Địa giới hành chính xã Đồng Tiến: Đông và Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn; Tây giáp xã Canh Nậu; Nam giáp xã Đồng Vương.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Đồng Vương có 2.436 ha diện tích tự nhiên và 3.849 nhân khẩu.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 34/1999/ ND-CP ngày 12/5/1999 quy định việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc năm 1999.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Phát hành công trái xây dựng Tổ quốc số 12/1999/PL-UBTVQH10 ngày 27 tháng 4 năm 1999;

Để thực hiện việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc theo Nghị quyết số 18/1998/QH10 ngày 25 tháng 11 năm 1998 của Quốc hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích phát hành công trái.

Chính phủ phát hành công trái xây dựng Tổ quốc năm 1999 nhằm huy động nguồn vốn trong nhân dân để đầu tư tăng thêm cho thủy lợi, xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn, trước hết là các xã nghèo đặc biệt khó khăn theo Nghị quyết số 18/1998/QH10 ngày 25 tháng 11 năm 1998 của Quốc hội.

Điều 2. Đối tượng mua công trái.

1. Công dân Việt Nam ở trong nước và ngoài nước.
2. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
3. Người nước ngoài làm việc, cư trú ở Việt Nam.
4. Cơ quan hành chính, sự nghiệp.
5. Tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội, xã hội - nghề nghiệp.
6. Doanh nghiệp nhà nước.
7. Doanh nghiệp khác thuộc mọi thành phần kinh tế.
8. Tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và 6 của Điều này không được sử dụng vốn và kinh phí của ngân sách nhà nước để mua công trái.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Loại tiền, kỳ hạn, thời gian phát hành công trái và lượng vốn huy động.

1. Công trái xây dựng Tổ quốc phát hành năm 1999 thu và ghi bằng tiền Việt Nam, có kỳ hạn 5 năm tính từ thời điểm phát hành.

2. Thời gian phát hành bắt đầu từ ngày 19 tháng 5 năm 1999.

3. Tổng mức vốn huy động là 4.000 tỷ đồng (bốn nghìn tỷ đồng).

Điều 4. Mệnh giá công trái.

1. Công trái phát hành năm 1999 có in trước mệnh giá và không ghi tên.

2. Mệnh giá tối thiểu của một phiếu công trái là 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) và mệnh giá tối đa là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

3. Bộ Tài chính quy định cụ thể các mức mệnh giá công trái cho phù hợp và thuận lợi cho người mua công trái.

Điều 5. Phiếu công trái.

1. Bộ Tài chính quy định kích thước, hình vẽ, hoa văn và các đặc điểm khác của phiếu công trái bảo đảm thuận tiện cho việc sử dụng, bảo quản, cất giữ và chống làm giả.

Bộ trưởng Bộ Tài chính ký tên trên phiếu công trái.

2. Bộ Tài chính tổ chức việc in ấn, bảo quản, vận chuyển phiếu công trái theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 6. Bảo đảm giá trị tiền mua công trái và lãi suất công trái.

Trên cơ sở bảo đảm giá trị tiền mua công trái và tỷ lệ lãi suất theo quy định tại Pháp lệnh Phát hành công trái xây dựng Tổ quốc số 12/1999/PL-UBTVQH10 ngày 27 tháng 4 năm 1999, lãi suất ghi trên công trái phát hành năm 1999 được quy định là

10%/năm (bao gồm cả mức trượt giá và tỷ lệ lãi suất 1,5%/năm) và lãi suất tính cho 5 năm là 50%.

Trường hợp mức trượt giá thực tế trong 5 năm cộng với lãi suất 5 năm (7,5%) lớn hơn 50% thì người sở hữu công trái sẽ được Nhà nước bù chênh lệch.

Trường hợp mức trượt giá thực tế trong 5 năm cộng với lãi suất năm (7,5%) thấp hơn hoặc bằng 50% thì người sở hữu công trái vẫn được hưởng lãi suất 50% như ghi trên phiếu công trái đã phát hành.

Điều 7. Kỳ hạn thanh toán công trái.

Tiền mua công trái phát hành năm 1999 được thanh toán đúng kỳ hạn 5 năm (đủ 60 tháng), gốc và lãi công trái được thanh toán một lần.

Trường hợp đến hạn, người sở hữu công trái chưa thanh toán, gốc và lãi công trái sẽ được bảo lưu trên tài khoản riêng chờ thanh toán. Thời gian quá hạn không được tính lãi.

Điều 8. Thanh toán trước kỳ hạn.

1. Trong trường hợp đặc biệt, người sở hữu công trái có nhu cầu thanh toán trước kỳ hạn thì được thanh toán đầy đủ, kịp thời tiền gốc và được hưởng lãi tính trên số tiền ghi trên công trái như sau:

a) Thời gian mua công trái chưa đủ 12 tháng thì không được hưởng lãi.

b) Thời gian mua công trái từ 12 tháng đến dưới 24 tháng thì được hưởng lãi là 10%.

c) Thời gian mua công trái từ 24 tháng đến dưới 36 tháng thì được hưởng lãi là 20%.

d) Thời gian mua công trái từ 36 tháng đến dưới 48 tháng thì được hưởng lãi là 30%.

đ) Thời gian mua công trái từ 48 tháng đến dưới 60 tháng thì được hưởng lãi là 40%.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể các trường hợp đặc biệt được thanh toán công trái trước kỳ hạn.

Điều 9. Quyền của người sở hữu công trái.

1. Người sở hữu công trái có quyền bán, tặng cho, để lại thừa kế hoặc sử dụng để cầm cố.

2. Người sở hữu công trái không được dùng công trái để thay thế tiền trong lưu thông và sử dụng trực tiếp trong quan hệ thanh toán khác.

Điều 10. Bảo quản, cất giữ phiếu công trái.

1. Người sở hữu công trái có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản phiếu công trái. Phiếu công trái bị tẩy xóa, sửa chữa, chấp vá không được thanh toán.

2. Người sở hữu công trái bị mất phiếu công trái thì không được thanh toán.

3. Người sở hữu công trái có thể gửi phiếu công trái tại Kho bạc nhà nước để bảo quản, cất giữ và phải nộp một khoản phí do Bộ Tài chính quy định nhưng không cao hơn mức phí ký gửi tại Ngân hàng Nhà nước.

Điều 11. Quản lý công trái do tổ chức mua.

1. Công trái do tổ chức mua được quản lý như các tài sản khác của đơn vị.

2. Trường hợp tổ chức mua công trái bị giải thể, phá sản, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách hoặc chấm dứt hoạt động thì công trái được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Địa điểm phát hành và thanh toán công trái.

1. Địa điểm phát hành và thanh toán công trái được tổ chức an toàn, thuận tiện phục vụ cho người mua công trái và thanh toán công trái.

2. Công trái được phát hành và thanh toán tại các đơn vị Kho bạc nhà nước hoặc tại các cơ quan tổ chức khác do Bộ Tài chính ủy nhiệm.

3. Tổ chức, cá nhân có thể mua công trái và thanh toán công trái ở bất cứ địa điểm nào theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 13. Chi phí phát hành và thanh toán công trái.

Chi phí phát hành và thanh toán công trái được bố trí trong ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo chế độ quản lý tài chính hiện hành.

Điều 14. Nguồn vốn huy động và nguồn vốn thanh toán công trái.

1. Nguồn vốn huy động từ phát hành công trái xây dựng Tổ quốc phải được phản ánh đầy đủ vào ngân sách nhà nước và sử dụng đúng mục đích theo quy định tại Điều 1 Nghị định này; đồng thời phải công bố công khai theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn vốn để thanh toán gốc và lãi công trái do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm.

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc mua công trái xây dựng Tổ quốc, trong công tác vận động mua công trái, tổ chức phát hành công trái thì được Nhà nước khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về công trái thì bị xử lý theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Pháp lệnh Phát hành công trái xây dựng Tổ quốc số 12/1999/PL-UBTVQH10 ngày 27 tháng 4 năm 1999.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và cơ quan liên quan.

1. Bộ Tài chính căn cứ tình hình thu nhập dân cư và khả năng tài chính của các doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan, tổ chức để giao kế hoạch vận động mua công trái cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức.

2. Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp với Bộ Tài chính và các ngành có liên quan, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của việc phát hành công trái để các tầng lớp nhân dân hiểu rõ và tích cực tham gia.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan rà soát, lập phương án sử dụng đúng mục đích nguồn vốn huy động được từ phát hành công trái xây dựng Tổ quốc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

4. Tổng cục Thống kê có trách nhiệm tính toán và công bố mức trượt giá theo yêu cầu của Bộ Tài chính để phục vụ cho việc thanh toán công trái.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Mặt trận Tổ quốc tổ chức, tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân hưởng ứng tham gia mua công trái xây dựng Tổ quốc.

Điều 17. Hiệu lực thi hành.

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI